

Số: 360 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực khóa 3 (Đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-ĐHLĐXH ngày 03/5/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định cụ thể hoá Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực năm 2015;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24/02/2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực năm 2015 về việc xét tốt nghiệp cho học viên cao học khóa 3 (Đợt 1);

Xét đề nghị của Trưởng khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực (Đợt 1) cho 94 học viên cao học khóa 3 (2013-2015) của Trường Đại học Lao động – Xã hội (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, SĐH.



TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHOA 3
Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực

(Kèm theo Quyết định số 360.../QĐ-ĐHLĐXH ngày 26. tháng 02. năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

TT	MSHV	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Nơi sinh	lớp	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	QT03001	Nguyễn Quốc Ngọc Anh	Nam	09/12/1991	Thái Nguyên	CH3A	7,0	8,0
2	QT03002	Trần Cẩm Anh	Nữ	06/10/1991	Hà Tĩnh	CH3B	7,8	8,7
3	QT03003	Kiều Thị Ánh	Nữ	24/04/1991	Hà Nội	CH3B	7,7	9,0
4	QT03004	Lê Đức Bình	Nam	10/11/1991	Hà Nội	CH3A	7,5	9,0
5	QT03005	Kiều Xuân Chiến	Nam	07/04/1975	Vĩnh Phúc	CH3B	7,5	8,8
6	QT03006	Nguyễn Thùy Chinh	Nữ	20/03/1984	Sơn La	CH3B	7,3	8,8
7	QT03008	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Nữ	19/05/1990	Đà Nẵng	CH3B	7,5	8,5
8	QT03009	Phạm Thị Hằng	Nữ	20/10/1987	Hải Phòng	CH3A	7,4	8,0
9	QT03010	Vũ Thị Thúy Hằng	Nữ	18/01/1987	Hà Nội	CH3A	7,9	8,4
10	QT03011	Phạm Thị Út Hạnh	Nữ	08/11/1989	Hải Dương	CH3B	7,4	8,6
11	QT03012	Nguyễn Khánh Hòa	Nữ	04/11/1989	Bắc Giang	CH3A	8,0	8,5
12	QT03013	Nguyễn Hạnh Hương	Nữ	08/10/1991	Quảng Ninh	CH3B	7,4	8,8
13	QT03014	Tạ Bích Huyền	Nữ	21/03/1991	Hà Nội	CH3A	7,7	9,0
14	QT03015	Cao Thị Lan	Nữ	12/08/1989	Hưng Yên	CH3A	7,6	8,8
15	QT03016	Nguyễn Hồng Liên	Nữ	26/10/1990	Hà Nam	CH3B	7,7	8,6
16	QT03017	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	10/12/1989	Hà Nam	CH3A	7,7	8,8
17	QT03018	Vũ Thị Ngọc Mai	Nữ	13/05/1991	Hà Nam	CH3B	7,5	8,5
18	QT03019	Phạm Thị Mỹ Nga	Nữ	26/08/1991	Hoàng Liên Sơn	CH3A	7,6	8,3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
19	QT03020	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	10/08/1990	Quảng Ninh	CH3B	7,4	8,5
20	QT03021	Phạm Thị Hồng Thắm	Nữ	07/04/1991	Thái Bình	CH3B	7,7	8,8
21	QT03022	Nguyễn Bích Thảo	Nữ	10/06/1985	Hà Nội	CH3A	7,0	8,8
22	QT03023	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	12/08/1988	Thanh Hóa	CH3B	7,5	9,0
23	QT03024	Lương Thị Thu	Nữ	26/12/1977	Hà Nội	CH3B	7,7	9,3
24	QT03025	Lại Thị Thuần	Nữ	20/12/1984	Nam Định	CH3B	7,9	8,8
25	QT03026	Đoàn Thị Thu Thủy	Nữ	26/02/1988	Ninh Bình	CH3A	7,6	8,8
26	QT03027	Trần Thanh Thủy	Nữ	18/11/1990	Ninh Bình	CH3B	7,8	8,8
27	QT03028	Nguyễn Thị Tú Trang	Nữ	28/05/1989	Hà Tĩnh	CH3B	7,5	9,0
28	QT03029	Phạm Thị Minh Trang	Nữ	22/02/1990	Quảng Ninh	CH3B	7,6	8,5
29	QT03030	Vũ Mai Trang	Nữ	23/11/1991	Bắc Giang	CH3B	7,5	8,6
30	QT03031	Đinh Thị Lan Anh	Nữ	08/07/1987	Thái Bình	CH3A	7,1	8,6
31	QT03033	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	02/06/1991	Thanh Hóa	CH3A	7,9	8,5
32	QT03035	Nguyễn Quang Bình	Nam	24/03/1971	Nam Định	CH3B	7,7	8,8
33	QT03036	Hoàng Thị Dung	Nữ	22/11/1991	Nghệ An	CH3A	7,6	8,0
34	QT03037	Lê Thị Dung	Nữ	07/04/1987	Thanh Hóa	CH3B	7,5	8,8
35	QT03038	Nguyễn Trung Dũng	Nam	21/03/1982	Yên Bái	CH3A	7,3	8,6
36	QT03039	Nguyễn Thị Anh Đào	Nữ	15/10/1990	Lạng Sơn	CH3A	7,6	8,2
37	QT03040	Đinh Thị Thanh Hà	Nữ	11/05/1988	Ninh Bình	CH3A	7,5	8,6
38	QT03041	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	02/04/1987	Nam Định	CH3A	7,2	8,5
39	QT03042	Công Thị Thanh Hằng	Nữ	26/03/1975	Hà Nội	CH3B	7,7	9,0
40	QT03043	Đỗ Thị Bích Hằng	Nữ	19/08/1976	Hà Nam	CH3A	7,7	9,0
41	QT03044	Lã Thị Việt Hằng	Nữ	30/12/1989	Lạng Sơn	CH3A	7,7	8,8
42	QT03045	Lê Thị Diệu Hằng	Nữ	15/08/1990	Quảng Bình	CH3B	7,6	8,2
43	QT03046	Lưu Thị Thu Hằng	Nữ	28/11/1991	Bắc Giang	CH3A	7,9	8,8
44	QT03047	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	11/08/1989	Hà Nội	CH3A	7,3	8,8
45	QT03048	Phan Thị Hằng	Nữ	25/09/1987	Bắc Giang	CH3B	7,3	8,8
46	QT03049	Vũ Thị Thu Hằng	Nữ	21/06/1990	Phú Thọ	CH3B	7,4	8,5

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
47	QT03051	Bùi Huy	Nam	13/10/1984	Hưng Yên	CH3B	7,5	8,8
48	QT03052	Phạm Văn	Nam	11/08/1972	Thái Bình	CH3A	7,2	9,0
49	QT03053	Nguyễn Thị	Nữ	04/04/1981	Thái Bình	CH3B	7,5	9,0
50	QT03054	Lê Kim	Nữ	07/10/1989	Hà Nội	CH3B	7,4	9,0
51	QT03055	Nguyễn Thị	Nữ	05/10/1978	Ninh Bình	CH3A	7,1	9,0
52	QT03056	Nguyễn Thị	Nữ	17/09/1990	Quảng Ninh	CH3A	7,0	8,5
53	QT03057	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	10/07/1989	Bắc Giang	CH3A	7,4	8,6
54	QT03058	Nguyễn Thị Thu	Nữ	31/08/1991	Nam Định	CH3B	7,1	8,2
55	QT03059	Phạm Thị Vân	Nữ	13/07/1990	Hà Nội	CH3A	6,6	8,0
56	QT03060	Nguyễn Đức	Nam	03/01/1976	Hà Nội	CH3A	7,4	8,8
57	QT03061	Hà Thị	Nữ	13/11/1975	Nghệ An	CH3B	7,9	9,0
58	QT03062	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	08/11/1990	Hà Tĩnh	CH3A	7,2	8,8
59	QT03063	Vũ Ngọc	Nam	28/11/1988	Thái Bình	CH3B	6,9	8,6
60	QT03064	Ngô Thị	Nữ	24/04/1980	Thanh Hóa	CH3B	7,2	8,0
61	QT03065	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	12/07/1980	Hà Nội	CH3B	6,7	8,8
62	QT03066	Đàm Tú	Nam	03/08/1977	Hà Nội	CH3B	6,8	8,6
63	QT03067	Nguyễn Thị Ban	Nữ	04/05/1988	Bắc Ninh	CH3B	7,6	8,6
64	QT03068	Luong Thị Thanh	Nữ	02/10/1983	Hải Phòng	CH3B	6,8	8,5
65	QT03069	Nguyễn Thị	Nữ	20/03/1990	Hưng Yên	CH3B	7,3	8,7
66	QT03070	Nguyễn Kim	Nữ	14/09/1989	Hà Nội	CH3B	7,1	8,5
67	QT03072	Bùi Thị Trang	Nữ	04/09/1989	Lạng Sơn	CH3A	7,6	8,6
68	QT03073	Hoàng Thị Hồng	Nữ	10/11/1991	Hà Nam	CH3B	7,0	8,5
69	QT03074	Lê Thị Kim	Nữ	10/04/1985	Phú Thọ	CH3B	7,5	8,6
70	QT03075	Trịnh Hồng	Nữ	29/11/1991	Hà Nội	CH3B	7,9	8,8
71	QT03076	Phan Thanh	Nam	24/06/1991	Hà Nội	CH3A	7,4	8,0
72	QT03077	Đặng Mai	Nữ	28/04/1989	Hà Nội	CH3A	7,4	8,5
73	QT03078	Hoàng Thị Minh	Nữ	01/07/1989	Hà Nội	CH3B	6,9	7,5
74	QT03079	Nguyễn Thị Minh	Nữ	12/07/1982	Hà Nội	CH3B	7,2	8,8

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
75	QT03080	Trần Thị Quỳnh	Nữ	27/09/1991	Hải Phòng	CH3B	8,3	9,3
76	QT03081	Pheua Ma Leud Siladeth	Nam	20/01/1985	Lào	CH3A	7,3	9,0
77	QT03082	Đào Thị Tâm	Nữ	03/10/1989	Hà Nội	CH3B	7,5	8,6
78	QT03083	Ngô Thị Tâm	Nữ	19/03/1991	Bắc Giang	CH3B	7,2	8,6
79	QT03085	Trần Kim Thanh	Nữ	06/07/1990	Hà Nội	CH3B	6,7	8,3
80	QT03086	Nguyễn Minh Thằng	Nam	23/09/1974	Thái Bình	CH3B	7,3	8,8
81	QT03087	Tô Thị Bích Thảo	Nữ	03/05/1991	Yên Bái	CH3B	7,4	8,5
82	QT03088	Lê Thị Thor	Nữ	18/09/1989	Phú Thọ	CH3B	7,8	8,8
83	QT03089	Phạm Minh Thúy	Nữ	01/01/1987	Hà Nội	CH3A	7,7	9,0
84	QT03090	Vũ Thị Thúy	Nữ	05/11/1986	Hải Dương	CH3A	7,5	8,8
85	QT03091	Nguyễn Thị Thư	Nữ	06/11/1990	Nam Định	CH3A	7,3	8,3
86	QT03092	Phạm Thị Tinh	Nữ	30/12/1985	Ninh Bình	CH3B	6,9	8,8
87	QT03093	Hoàng Thu Trang	Nữ	30/05/1991	Lạng Sơn	CH3A	7,0	8,4
88	QT03094	Tô Ngọc Trâm	Nữ	20/08/1991	Hà Nội	CH3A	7,1	8,5
89	QT03095	Nguyễn Hà Trung	Nam	07/10/1986	Hà Nội	CH3B	7,0	8,5
90	QT03096	Nguyễn Anh Tú	Nam	21/09/1988	Hà Nội	CH3A	6,8	8,3
91	QT03097	Phạm Thị Tuyền	Nữ	08/06/1991	Bắc Giang	CH3A	7,2	8,5
92	QT03098	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	18/12/1985	Hà Nội	CH3B	8,1	9,0
93	QT03099	Nông Thanh Vị	Nữ	05/11/1991	Lạng Sơn	CH3A	7,5	8,5
94	QT03100	Phạm Kim Xuân	Nữ	05/05/1978	Hà Nội	CH3A	7,3	8,6

Danh sách này gồm có: 94 học viên

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hà Xuân Hùng